TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ DĨ AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 87/2019/DS-ST
Ngày 13-11-2019
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Minh Châu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tô Văn Nhung;

2. Ông Nguyễn Văn Nông.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Tuân - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 11 năm 2019, tại Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 291/2019/TLST-DS ngày 08/8/2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 106/2019/QĐXXST-DS ngày 04/10/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 115/2019/QĐST-DS ngày 28/10/2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Hoàng Văn N, sinh năm 1973; địa chỉ: số 108/4 khu phố T, phường B, thị xã D, tỉnh Bình Dương, có yêu cầu giải quyết mặt.

- Bị đơn:

1/ Ông Nghiêm Mạnh T, sinh năm 1975;

2/ Bà Đinh Thị L, sinh năm 1976.

Cùng thường trú: 122/88 (số cũ 1/15), đường V, khu phố T, phường Đ, thị xã D, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29/7/2019 và đơn xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện ngày 27/9/2019, lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Hoàng Văn N trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết với nhau và do cần tiền để mở rộng cơ sở kinh doanh nên vào năm 2019 ông Nghiêm Mạnh T và bà Đinh Thị L có vay của ông Hoàng Văn N 02 lần với tổng số tiền là 200.000.000 đồng cụ thể:

Ngày 01/02/2019 ông T, bà L vay số tiền là 100.000.000 đồng, có làm giấy vay tiền, trong giấy vay tiền hai bên không thỏa thuận lãi suất nhưng có thỏa thuận miệng lãi suất là 3%/tháng, thời hạn vay 02 tháng tính từ ngày 01/02/2019 đến ngày 01/4/2019.

Ngày 04/02/2019 ông T, bà L vay số tiền là 100.000.000 đồng, có làm giấy vay tiền, trong giấy vay tiền hai bên không thỏa thuận lãi suất nhưng có thỏa thuận miệng lãi suất là 3%/tháng, thời hạn vay 02 tháng tính từ ngày 04/02/2019 đến ngày 04/4/2019

Khi vay thì ông T, bà L không thế chấp tài sản gì cho ông N. Ông T, bà L đã trả được 02 lần tiền lãi đối với số tiền vay 100.000.000 đồng của khoản vay ngày 01/02/2019 và đã trả được 02 lần tiền lãi đối với số tiền vay 100.000.000 đồng của khoản vay ngày 04/02/2019, sau đó thì ông T, bà L không tiếp tục trả tiền lãi nữa, mặc dù ông N đã nhiều lần yêu cầu nhưng ông T, bà L không trả. Đến tháng 5/2019 thì cơ sở ông T, bà L đóng cửa không còn hoạt động, hiện ông T, bà L đã đi khỏi địa phương không thể liên lạc được. Ông N khởi kiện yêu cầu ông Nghiêm Mạnh T và bà Đinh Thị L trả tiền vay gốc còn nợ 200.000.000 đồng. Tuy nhiên ngày 27/9/2019 ông N có đơn xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, ông N tự nguyện khấu trừ số tiền lãi đã nhận dư từ ông T, bà L vào số tiền gốc mà ông T, bà L còn nợ của ông N là 200.000.000 đồng – 5.320.000 đồng = 194.680.000 đồng. Vậy nay ông Hoàng Văn N yêu cầu ông Nghiêm Mạnh T và bà Đinh Thị L phải trả lại số tiền vay gốc còn nợ là 194.680.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Chứng cứ nguyên đơn cung cấp: Giấy vay tiền ngày 01/02/2019 và ngày 04/02/2019 có chữ ký của ông Nghiêm Mạnh T và bà Đinh Thị L.

- *Đối với bị đơn ông Nghiêm Mạnh T và bà Đinh Thị L:* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải bằng hình thức niêm yết và yêu cầu ông Nghiêm Mạnh T và bà Đinh Thị L có ý kiến trả lời bằng văn bản đối với các yêu cầu của ông Hoàng Văn N nhưng ông T, bà L không có ý kiến cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì. Vào ngày 27/9/2019, Tòa án triệu tập ông T, bà L tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tham gia hòa giải, nhưng ông T, bà L vắng mặt không có lý do. Đồng thời, Tòa án đã tống đạt văn bản tố tụng yêu cầu ông T, bà L tham gia phiên tòa vào ngày 28/10/2019 và ngày 13/11/2019 nhưng ông T, bà L vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, việc giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được xem xét trên cơ sở chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã D:* Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, Tòa án và nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng quy định. Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về điều kiện thụ lý vụ án: Ông Hoàng Văn N có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nghiêm Mạnh T, bà Đinh Thị L có địa chỉ tại khu phố T, phường Đ, thị xã D, tỉnh Bình Dương phải trả số tiền vay còn nợ là 200.000.000 đồng phát sinh từ hợp đồng vay tài sản vì vậy đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, Khoản 1 Điều 35 và Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã D, tỉnh Bình Dương.

[2] Về việc vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn ông Hoàng Văn N có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn ông Nghiêm Mạnh T và bà Đinh Thị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự theo quy định của Điều 227, 228 và 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về tư cách tham gia tố tụng: Bà Lại Thị Thanh T1 là vợ của ông Hoàng Văn N. Qúa trình tố tụng, bà Tuyền xác định không liên quan gì đến số tiền ông N cho ông T, bà L vay, đồng thời bà T1 đề nghị Tòa án không đưa bà vào tham gia vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Vì vậy, Tòa án không đưa bà Lại Thị Thanh T1 vào tham gia vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[4] Về việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ngày 27/9/2019 nguyên đơn ông Hoàng Văn N có đơn xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện ông N tự nguyện khấu trừ số tiền lãi đã nhận dư từ ông T, bà L vào số tiền gốc mà ông T, bà L còn nợ ông N là 200.000.000 đồng - 5.320.000 đồng = 194.680.000 đồng. Ông Hoàng Văn N yêu cầu ông Nghiêm Mạnh T và bà Đinh Thị L phải trả lại số tiền vay gốc còn nợ là 194.680.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện nên căn cứ Điều 235, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử chấp nhận đối với việc xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của ông N.

[5] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ông Hoàng Văn N xác định năm 2019 ông T, bà L có vay của ông N tổng số tiền 200.000.000 đồng theo các giấy vay tiền ngày 01/02/2019 và ngày 04/02/2019. Căn cứ giấy vay tiền ngày 01/02/2019 và ngày 04/02/2019 xác định ông Nghiêm Mạnh T và bà Đinh Thị L có vay của ông N tổng số tiền là 200.000.000 đồng, do ông T, bà L vi phạm nghĩa vụ trả lãi, nên ông N khởi kiện yêu cầu ông T, bà L phải thanh tóan tiền nợ gốc 200.000.000 đồng là có căn cứ.

Tuy nhiên, trong quá trình tố tụng ông N thừa nhận đã nhận tiền lãi của ông T, bà L là 6.000.000 đồng đối với khoản vay ngày 01/02/2019 (số tiền 100.000.000 đồng x 02 tháng x 3%/tháng = 6.000.000 đồng); số tiền lãi 6.000.000 đồng khoản vay ngày 04/02/2019 (số tiền 100.000.000 đồng x 02 tháng x 3%/tháng = 6.000.000 đồng). Theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 "…trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay,…". Ông N và ông T, bà L thỏa thuận 3%/tháng (tương đương 36%/năm). Do đó, phần lãi suất vượt quá mức lãi suất 20%/năm không được chấp nhận. Mức lãi suất ông N được chấp nhận là 1,67%/tháng cụ thể với các khoản tiền vay như sau: khoản vay ngày 01/02/2019 số tiền 100.000.000 đồng x 02 tháng x 1,67%/tháng = 3.340.000 đồng; khoản vay ngày 04/02/2019 số tiền 100.000.000 đồng x 02 tháng x 1,67%/tháng

= 3.340.000 đồng, tổng số tiền lãi ông N được chấp nhận là 6.680.000 đồng. Ông N đã nhận tiền lãi của ông T, bà L là 12.000.000 đồng – 6.680.000 đồng = 5.320.000 đồng nên tự nguyện khấu trừ tiền lãi đã nhận dư 5.320.000 đồng vào tiền nợ gốc. Số tiền nợ gốc còn lại đối với các giấy vay tiền ngày 01/02/2019 và ngày 04/02/2019 là 194.680.000 đồng, xét đây là ý chí tự nguyện của nguyên đơn, phù hợp với Điều 5 Bộ luật tố tụng Dân sự và có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Như vậy, tổng số tiền nợ gốc ông Nghiêm Mạnh T và bà Đinh Thị L còn phải thanh toán cho ông Hoàng Văn N theo các giấy vay tiền ngày 01/02/2019 và ngày 04/02/2019 là 194.680.000 đồng.

[6] Ông Hoàng Văn N không yêu cầu ông Nghiêm Mạnh T và bà Đinh Thị L phải trả tiền lãi đối với số tiền vay gốc còn nợ. Xét đây là sự tự nguyện của ông N và có lợi cho ông T, bà L nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[7] Quá trình tố tụng, bị đơn đã được Tòa án niêm yết giấy triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng nhiều lần nhưng bị đơn ông Nghiêm Mạnh T, bà Đinh Thị L vắng mặt không có lý do và không có văn bản nào thể hiện ý kiến về việc không thừa nhận chữ ký của ông T, bà L trong các giấy vay tiền ngày 01/02/2019 và ngày 04/02/209, đồng thời cũng không xuất trình chứng cứ chứng minh ông T, bà L không vay nợ của ông N hoặc đã thanh toán xong các khoản nợ trên.

[8] Từ những phân tích trên, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[9] Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn ông Hoàng Văn N không phải chịu. Bị đơn ông Nghiêm Mạnh T và bà Đinh Thị L phải chịu toàn bộ án phí, theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 144, Điều 147, Điều 228, Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 463, 466, 357, 470 của Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hoàng Văn N đối với bị đơn ông Nghiêm Mạnh T và Đinh Thị L về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc ông Nghiêm Mạnh T và bà Đinh Thị L phải thanh toán cho ông Hoàng Văn N số tiền vay gốc còn nợ 194.680.000 đồng (một trăm chín mươi bốn triệu, sáu trăm tám mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nghiêm Mạnh T và bà Đinh Thị L phải chịu 9.734.000 đồng (chín triệu bảy trăm ba mươi bốn nghìn đồng). Hoàn trả cho ông Hoàng Văn N số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0029058 ngày 07/8/2019 của Chi cục thi hành án Dân sự thị xã D.

3. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND TX D;
- Chi cục THADS TX D;
- Đương sự;
- Lưu: VT; HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Minh Châu

Hội đồng xét xử sơ thẩm

Thành viên hội đồng xét xử **Thẩm phán– chủ tọa phiên toà**